

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2946 /QĐ-UBND

Tuy Phước, ngày 18 tháng 12 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Kế hoạch nuôi trồng thủy sản nước lợ năm 2014
trên địa bàn huyện Tuy Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 103/2013/NĐ-CP ngày 12/9/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản;

Căn cứ Công văn số 4160/SNN-TS ngày 05/12/2013 của Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh Bình Định v/v ban hành lịch thời vụ nuôi tôm nước lợ năm 2014;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Nông nghiệp & PTNT huyện tại Tờ trình số 356/TTr-PNN ngày 17/12/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch nuôi trồng thủy sản nước lợ năm 2014 trên địa bàn huyện Tuy Phước.

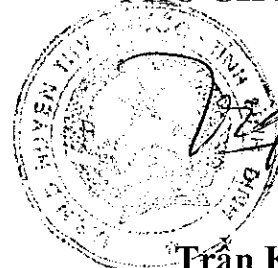
Điều 2. Giao Trưởng phòng: Nông nghiệp & PTNT, Tài nguyên và Môi trường, Trưởng đài Đài Truyền thanh huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch UBND các xã ven đầm Thị Nại triển khai thực hiện Kế hoạch này đạt hiệu quả.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng: Nông nghiệp & PTNT, Tài nguyên và Môi trường, Trưởng đài Đài Truyền thanh huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch UBND các xã ven đầm Thị Nại chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./. *ll*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT: HU, HĐND huyện; (b/c)
- CT, PCT UBND huyện (đ/c Quang);
- Mặt trận và các hội đoàn thể;
- CVP; CVVP (K₂);
- Lưu: VT. *ll*

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



ll
Trần Kỳ Quang

KẾ HOẠCH

Nuôi trồng thủy sản nước lợ năm 2014 trên địa bàn huyện Tuy Phước

(Kèm theo Quyết định số **2946** /QĐ-CTUBND ngày **18** /12 /2013
của Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước)

Qua tổng kết thực tế nuôi trồng thủy sản nước lợ những năm qua, căn cứ Công văn số 4160/SNN-TS ngày 05/12/2013 của Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh Bình Định v/v ban hành lịch thời vụ nuôi tôm nước lợ năm 2014. Để triển khai thực hiện tốt công tác nuôi trồng thủy sản nước lợ năm 2014, UBND huyện xây dựng Kế hoạch nuôi trồng thủy sản nước lợ năm 2014 trên địa bàn huyện như sau:

I. Đánh giá tình hình thực hiện công tác nuôi trồng thủy sản nước lợ năm 2013:

1. Kết quả thực hiện:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2013	Ước tính năm 2013	Thực hiện năm 2012	So cùng kỳ (%)	So với kế hoạch (%)
1	Diện tích	Ha	972,10	969,10	969,10	100,00	99,69
2	Năng suất	Kg/ha/năm	1.590,37	1.616,96	1.410,59	114,63	101,67
a	Cá	Kg/ha/năm	253,06	254,88	155,71	163,68	100,72
b	Tôm	Kg/ha/năm	1.028,70	1.051,49	1.041,28	100,98	102,22
c	Thủy sản khác	Kg/ha/năm	308,61	310,60	213,60	145,41	100,64
3	Sản lượng	Tấn	1.546,00	1.567,00	1.367,00	114,63	101,36
a	Cá	Tấn	246,00	247,00	150,90	163,68	100,41
b	Tôm	Tấn	1.000,00	1.019,00	1.009,10	100,98	101,90
c	Thủy sản khác	Tấn	300,00	301,00	207,00	145,41	100,33

Nuôi trồng thủy sản nước lợ: 969,1 ha/ 972,1 ha kế hoạch (03 ha ở thôn Lạc Điền, xã Phước Thắng trồng lúa) gồm diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng theo phương thức Bán thâm canh - thâm canh (Vụ 1: 85,7 ha, vụ 2: 19 ha); diện tích nuôi tôm theo phương thức quảng canh cải tiến xen với các đối tượng thủy sản khác 948,6 ha; diện tích nuôi cá 1,5 ha. Năng suất tôm năm 2013 ước đạt bình quân 1.051,5 kg/ha, đạt 102,22% kế hoạch, tăng 0,98% so cùng kỳ; Sản lượng tôm: 1.019,0 tấn, đạt 101,90% kế hoạch, tăng 0,98% so cùng kỳ. Cá: 247,0 tấn, đạt 100,41% kế hoạch, tăng 63,68% so cùng kỳ. Thủy sản khác: 301,0 tấn, đạt 100,33% kế hoạch năm, tăng 45,41% so cùng kỳ.

2. Tồn tại, khó khăn và nguyên nhân:

Tổng diện tích bệnh tôm: 6,60 ha, trong đó bệnh do vi rút đốm trắng 5,70 ha gồm Phước Thuận: 4,95 ha/08 ao, Phước Thắng: 0,75 ha/02 ao; bệnh do môi trường: Phước Thắng: 0,90 ha/01 ao. Nguyên nhân: Một số hộ nuôi tôm còn hạn chế trong việc tiếp thu, áp dụng quy trình kỹ thuật sản xuất; một số hộ chưa khai báo kịp thời cho cán bộ khuyến ngư xã khi tôm nuôi có biểu hiện bệnh; tính cộng đồng trong nuôi tôm còn thấp.

II. Kế hoạch nuôi trồng thủy sản nước lợ năm 2014:

1. Chủ trương:

Chuyển dịch cơ cấu vật nuôi, phương thức nuôi theo hướng phát triển: hiệu quả bền vững kết hợp bảo vệ môi trường sinh thái.

2. Một số chỉ tiêu chủ yếu:

- Tổng diện tích sản xuất: 972,1 ha.
- Năng suất tôm bình quân: 1.080 kg/ha/năm.
- Sản lượng tôm: 1.050 tấn.
- Cá: 260 tấn. Thủy sản khác: 320 tấn.

3. Giải pháp chủ yếu:

3.1. Thời vụ và phương thức nuôi:

a) **Thời vụ nuôi:** Người nuôi tôm không nên thả tôm trước lịch thời vụ gặp thời tiết rét lạnh, mùn bã hữu cơ năm trước chưa phân giải dẫn đến tôm nuôi chậm lớn, dễ phát sinh bệnh dịch và cũng không nên thả tôm muộn sau tháng 3 gặp thời tiết nắng nóng bất lợi cho tôm nuôi. Thời vụ nuôi vụ 1 bắt đầu từ 01/3/2014, vụ 2 bắt đầu từ 01/7/2014 (Riêng tiểu vùng Đông Điền, Lạc Điền, xã Phước Thắng thời vụ nuôi vụ 1 bắt đầu từ 15/02/2014, vụ 2 bắt đầu từ 15/6/2014).

b) Phương thức nuôi:

b1) **Phương thức nuôi bán thâm canh - thâm canh (BTC-TC):** Người nuôi tôm áp dụng đối với những ao hồ đủ điều kiện kinh tế kỹ thuật thực hiện phương thức nuôi này ở khu vực trong đê, ổn định diện tích 100 ha/vụ. Khuyến cáo áp dụng kỹ thuật trải bạt nền, xử lý chất thải trong quá trình nuôi bằng biện pháp cơ học (hút chất thải trong quá trình nuôi ra ao xử lý chất thải, để khô rồi nạo vét đưa ra khỏi vùng nuôi) kết hợp với biện pháp sinh học (sử dụng các chế phẩm sinh học phân giải mùn bã hữu cơ). (Vụ 1: Tôm thẻ 50-100 con/m² hoặc tôm sú 15-20 con/m². Vụ 2: Tôm thẻ 20-80 con/m² hoặc nuôi tổng hợp Tôm sú <10 con/m² hoặc tôm thẻ <20 con/m²; cá <0,1 con/m²; cua <0,2 con/m²)

b2) **Phương thức nuôi quảng canh cải tiến (QCCT):** Người nuôi tôm áp dụng đối với những ao hồ ở khu vực ngoài đê và những ao hồ trong đê ở khu vực có cơ sở vật chất vùng nuôi, ao nuôi còn hạn chế. Khuyến cáo nuôi đối tượng tôm sú hoặc cua xanh ghép với cá chua, cá dìa, cá đối. Không nên nuôi ghép tôm với cua (cùng lớp giáp xác - cạnh tranh thức ăn, không gian sống; mầm bệnh lây lan; ăn lẫn nhau khi lột xác), có thể nuôi cua sau mùa mưa lũ, tận dụng con giống tự nhiên trong đê. (Tôm sú <10 con/m² hoặc tôm thẻ <20 con/m², cá <0,1 con/m², cua <0,2 con/m²).

KẾ HOẠCH DIỆN TÍCH, PHƯƠNG THỨC NUÔI TÔM THƯƠNG PHẨM NĂM 2014

STT	Xã	Vùng	Diện tích (ha)	Phương thức nuôi		Ghi chú
				Vụ 1 (chính) 01/3-15/6	Vụ 2 (phụ) 01/7-30/9	
1	Phước Thuận		317,0			
		I	15,0	BTC	BTC hoặc QCCT	

		I	20,0	QCCT	Khó khăn về điều kiện kinh tế, kỹ thuật
		II	282,0	QCCT	
			274,0		
2	Phước Sơn	I	20,0	BTC	BTC hoặc QCCT
		I	32,0	QCCT	Khó khăn về điều kiện kinh tế, kỹ thuật
		II	222,0	QCCT	
			327,0		
3	Phước Hoà	I	15,0	BTC	BTC hoặc QCCT
		I	12,2	QCCT	Khó khăn về điều kiện kinh tế, kỹ thuật
		II	299,8	QCCT	
			54,1		
4	Phước Thắng	I	47,8	BTC	BTC hoặc QCCT
		II	6,3	QCCT	Vụ 1 từ 15/2-31/5; Vụ 2 từ 15/6-30/9
Tổng cộng:		I	162,0	97,8 ha BTC + 64,2 ha QCCT	
		II	810,1	QCCT	
		I + II	972,1		

3.2. Giải pháp thực hiện:

- Người nuôi tôm cần thả giống đúng lịch thời vụ (bắt đầu 01/3/2014) và thực hiện đúng và đủ các biện pháp kỹ thuật trong quy trình sản xuất, cần chú trọng việc tu bổ bờ công vững chắc, cải tạo ao đúng quy trình, kiểm dịch chọn con giống đảm bảo chất lượng, sử dụng thức ăn công nghiệp kết hợp bổ sung thức ăn tươi không gây ô nhiễm môi trường (như Don). Vụ 2 (bắt đầu từ 01/7/2014): Đối với phương thức nuôi BTC, TC cần cải tạo ao đúng quy trình như vụ 1 mới thả giống lại; đối với phương thức nuôi QCCT thực hiện thu tia bằng lưới lồng và thả bù với lượng giống ít hơn vụ 1 vì chất lượng môi trường ao nuôi, vùng nuôi bị suy giảm bởi hoạt động sản xuất và đời sống.

- Tổ chức các hội thảo chuyên đề; các lớp tập huấn kỹ thuật nuôi tôm theo hướng bền vững, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Xây dựng các mô hình sản xuất nuôi trồng thủy sản theo hướng phát triển bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái phù hợp với từng vùng nuôi.

- Triển khai áp dụng các biện pháp tổng hợp phòng chống dịch bệnh theo quy định; tổ chức giám sát, phát hiện và xử lý kịp thời các ổ dịch phát sinh. Kiểm tra chặt chẽ và hướng dẫn thực hiện các quy định của Nhà nước về quy hoạch nuôi trồng thủy sản, về sản xuất giống thủy sản, sản xuất kinh doanh thức ăn, các chế phẩm trong nuôi tôm.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp quy của Nhà nước về nuôi trồng thủy sản đến người nuôi tôm. Tổ chức thực hiện tốt Nghị định số 103/2013/NĐ-CP ngày 12/9/2013 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản.

- Thành lập, củng cố các Chi hội nuôi tôm, hỗ trợ xây dựng quy chế và tạo điều kiện thuận lợi cho các chi hội nuôi tôm hoạt động đạt hiệu quả.

4. Tổ chức thực hiện:

4.1. UBND các xã ven đầm Thị Nại:

- Tổ chức tổng kết công tác nuôi trồng thủy sản năm 2013, triển khai kế hoạch nuôi trồng thủy sản năm 2014.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý nuôi trồng thủy sản năm 2014 và lịch thời vụ nuôi tôm năm 2014.

- Chỉ đạo và hướng dẫn người nuôi tôm tập trung cải tạo ao hồ đúng quy trình và chấm dứt cải tạo đáy ao trước ngày 15/02/2014.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động người nuôi tích cực hưởng ứng các biện pháp phòng chống dịch bệnh tôm, chủ động khai báo khi nghi ngờ ao nuôi có bệnh.

- Tổ chức thực hiện tốt Nghị định số 103/2013/NĐ-CP ngày 12/9/2013 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản.

- Thông báo kết quả quan trắc môi trường nước thông qua hệ thống Đài truyền thanh xã (nguồn dữ liệu kết quả quan trắc môi trường nước từ WEBSITE: www.snnptnt.binhdinhh.gov.vn, chuyên mục **Quan trắc môi trường vùng nuôi thủy sản**).

- Theo dõi, tổng hợp báo cáo tình hình nuôi trồng thủy sản cho UBND huyện trước ngày 15 hằng tháng (thông qua Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Tuy Phước).

- Hội đồng điều hành liên xã đồng quản lý bảo vệ nguồn lợi thủy sản khu vực Bắc đầm Thị Nại chỉ đạo các nhóm đồng quản lý của các xã tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức cho người dân về khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên đầm Thị Nại.

4.2. Phòng Nông nghiệp & PTNT huyện:

- Tham mưu cho UBND huyện chỉ đạo, triển khai chương trình bảo vệ nguồn lợi thủy sản như ngăn chặn nuôi sinh vật ngoại lai xâm hại sinh vật bản địa, phòng chống sử dụng kích điện đánh bắt thủy sản ở mặt nước tự nhiên, triển khai trồng cây phân tán xung quanh ao, hồ nuôi trồng thủy sản.

- Tham mưu cho UBND huyện các giải pháp phòng, chống dịch bệnh hiệu quả phù hợp với tình hình thực tế và các giải pháp nuôi trồng thủy sản theo hướng hiệu quả bền vững.

- Tập huấn kỹ thuật nuôi trồng thủy sản kết hợp xây dựng các mô hình sản xuất nuôi trồng thủy sản theo hướng phát triển bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái phù hợp với từng vùng nuôi. Hướng dẫn ngư dân thực hiện quy trình kỹ thuật nuôi trồng thủy sản phù hợp từng phương thức nuôi, từng điều kiện canh tác.

- Phối hợp với cơ quan chức năng, UBND các xã, thị trấn tổ chức tuyên truyền Luật Thủy sản, Nghị định số 103/2013/NĐ-CP ngày 12/9/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản.

4.3. Trạm Thú y huyện:

- Dự trữ và cung ứng kịp thời các loại hóa chất xử lý môi trường nuôi, tiêu diệt mầm bệnh; hướng dẫn quy trình kỹ thuật phòng, chống dịch bệnh tôm cho các xã.

- Chủ động triển khai áp dụng các biện pháp tổng hợp phòng, chống dịch theo quy định, tổ chức giám sát chặt chẽ dịch bệnh, phát hiện và xử lý kịp thời các ổ dịch phát sinh.

- Khi phát hiện ao, hồ có tôm nhiễm bệnh khẩn trương thu mẫu gửi về Tỉnh xác định tác nhân gây bệnh, đồng thời hướng dẫn các xã xử lý các ao nuôi tôm bị bệnh theo đúng quy trình kỹ thuật.

- Tăng cường công tác kiểm dịch, kiểm soát vận chuyển giống thủy sản theo quy định.

4.4. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện:

- Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn người nuôi tôm các giải pháp xử lý nước thải, chất thải rắn.

- Kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm về bảo vệ môi trường.

4.5. Đài Truyền thanh huyện:

Thường xuyên công tác tuyên truyền, đưa tin biểu dương kịp thời về người dân, địa phương thực hiện tốt công tác nuôi trồng thủy sản nước lợ năm 2014. Xây dựng chuyên mục bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Kịp thời biểu dương những tập thể cá nhân có thành tích xuất sắc trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản, phê phán những hành vi vi phạm về bảo vệ nguồn lợi thủy sản, nhất là đối với hành vi sử dụng kích điện đánh bắt thủy sản ở mặt nước tự nhiên.

4.6. Đề nghị các tổ chức hội, đoàn thể: Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện, Huyện đoàn vận động, tuyên truyền, giáo dục hội viên, đoàn viên nhận thức đúng về công tác phòng, chống dịch bệnh tôm và lịch thời vụ nuôi tôm; tự giác thực hiện các quy định, hướng dẫn của ngành nông nghiệp để giảm thiểu rủi ro do dịch bệnh tôm và đảm bảo nuôi trồng thủy sản phát triển theo hướng hiệu quả bền vững. Hỗ trợ xây dựng, củng cố các Chi hội nuôi tôm cộng đồng.

4.7. Hộ sản xuất:

- Thực hiện tốt các quy định, hướng dẫn của ngành nông nghiệp nhất là việc kiểm dịch con giống và chấp hành lịch thời vụ. Tu bổ, gia cố bờ công ao hồ nuôi vững chắc đảm bảo các điều kiện ban đầu để triển khai sản xuất.

- Tự trang bị lịch thủy triều, dụng cụ đo độ mặn, độ kiềm,... để lấy nước và bón vôi hợp lý trong quá trình nuôi.

- Tăng cường đầu tư quản lý – điều khiển môi trường nuôi và chăm sóc sức khỏe tôm nuôi khi thời tiết diễn biến xấu.

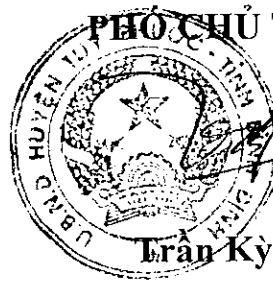
- Chủ động khai báo kịp thời cho cán bộ khuyến ngư, thú y xã, huyện khi tôm nuôi trong ao của mình có biểu hiện bệnh, không xả thải nước ao khi chưa được xử lý, không xả xác tôm chết do nhiễm bệnh ra môi trường.

- Tự nguyện tham gia các tổ hợp tác sản xuất, Chi hội nuôi tôm để cùng nhau bảo vệ, cải tạo môi trường chung và hỗ trợ nhau phát triển sản xuất.

- Chủ động tận thu sản phẩm trước khi lụt bão xảy ra, bố trí sản xuất hợp lý để kết thúc vụ nuôi trong năm trước tháng 10 (mùa mưa bão bắt đầu từ tháng 10 đến tháng 12 hằng năm).

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này nếu có gì khó khăn, vướng mắc báo cáo kịp thời cho Chủ tịch UBND huyện để chỉ đạo giải quyết. /

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Kỳ Quang